

Sơn La, ngày 12 tháng 4 năm 2025

Số: 12/BC-BQL

BÁO CÁO

Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý I năm 2025

Kính gửi: Chi cục Kiểm lâm

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2666/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La Ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2025; Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 427/QĐ-SNN ngày 26/12/2024 về việc giao dự toán ngân sách thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 428/QĐ-SNN ngày 26/12/2024 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số Quyết định số 591/QĐ-CCKL ngày 31/12/2024 về việc giao dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc Chi cục Kiểm lâm; Quyết định số 592/QĐ-CCKL ngày 31/12/2024 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc Chi cục Kiểm lâm.

Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Mường La báo cáo công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán quý I năm 2025, như sau:

I. Kết quả thực hiện

1. Tình hình thực hiện dự toán thu phí, lệ phí: không

2. Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý I/2025

- Kinh phí thường xuyên được giao 3.323,151 triệu đồng giải ngân quý I năm 2025 số tiền 460,152 triệu đồng đạt 13% so với dự toán giao.

- Kinh phí không thường xuyên được giao 60,3 triệu đồng giải ngân quý I năm 2025 số tiền 0 triệu đồng đạt 0% so với dự toán giao.

- Kinh phí Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giao trong năm 2025 số tiền 1.876 triệu đồng giải ngân quý I năm 2025 số tiền 0 triệu đồng đạt 0%.

(gửi kèm phụ lục báo cáo đánh giá thực hiện dự toán chi ngân sách quý I/2025)

II. Tình hình công khai số liệu thực hiện dự toán của Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Mường La

1. Công bố công khai số liệu, niêm yết tại trụ sở làm việc địa chỉ Bản Ít, xã Nậm Păm, huyện Mường La, tỉnh Sơn La

Đăng tải trên trang thông tin điện tử Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Mường La, địa chỉ <https://kbttmuongla.kiemlam.sonnmt.sonla.gov.vn/>

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý I năm 2025 của Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Mường La. Trân trọng báo cáo Chi cục Kiểm lâm tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT(H01b).

GIÁM ĐỐC



Lê Tuấn Anh

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ I/2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Mường La công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý I năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm 2025 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	-	-	0%	0%
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu khác				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	0%	-
1	Chi sự nghiệp	-	-	-	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	KP nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	-	-		-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
c	KP không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-	-	0%	
1	Lệ phí				
2	Phí		-		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5,480	460	8%	112%
I	Nguồn ngân sách trong nước	5,480	460	8%	112%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý I năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm 2025 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	Chi quản lý hành chính	3,604	460	13%	112%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3,544	460	13%	112%
-	Kinh phí chuyển nguồn từ năm 2024 sang 2025	11			
-	Kinh phí giao trong năm 2025	3,312	460		
-	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP (Nguồn 018)	148			
-	Kinh phí tiết kiệm chi 10% để tạo nguồn CCTL năm 2025 (KP chưa được giao)	73			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	60		0%	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>				
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	KP nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi sự nghiệp kinh tế				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý I năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm 2025 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên - kinh phí quy hoạch				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	KP nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu	1,876	-		
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
11.2	Chi Chương trình mục tiêu PTLNBV	1,876			
11.3	Nguồn vốn CTMTQG giảm nghèo bền vững				